TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QU
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:266/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 -2024
Vv: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Th.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyên Văn Đ và ông Nguyễn Văn V.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc A - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Ông Đàm Văn D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/ 12/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212 /2024/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2024 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐHPT ngày 23/12/2024. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 01/11/1978.

Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoa V, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy Tr**, sinh ngày 05/05/1975.

Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoa V, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Chị H có mặt; Anh Tr được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 01/11/2024, lời khai tại phiên tòa, chị H trình bày:

-Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy Tr tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội ngày 19/ 12/ 1996. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, và có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, đến năm năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó đề nghị tòa cho chị H được ly hôn anh Tr.

-Về con chung: Chị H và anh Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 07/ 07/ 1998; cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 06/ 04/ 2003. Hiện 2 con đã trưởng thành. Nên chị H không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H khảng định chị và anh Tr Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định.

Bị đơn đã được thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ, hòa giải, triệu tập,Tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình trốn tránh gây khó khăn cho Tòa án

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy ra sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án; Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung: Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho H được ly hôn anh Tr; Về con chung vợ chồng có 02 con chung hiện các con đã trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Toà án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là nơi bị đơn cư trú ở thị trấn Quốc Oai, huyện Q, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Toà đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; Thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và Hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn có đủ căn cứ xác định:

-Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy Tr tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội ngày 19/ 12/ 1996. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống đã phát sinh mâu thuẫn nhỏ đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và từ đó đến nay hai người sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H được ly hôn anh Tr.

-Về con chung: Chị H và anh Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 07/ 07/ 1998; cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 06/ 04/ 2003. Hiện 2 con đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] -*Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xát giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc bà Vân phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy Tr.

2 - Về con chung: Chị H và anh Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 07/ 07/ 1998; cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 06/ 04/ 2003. Hiện 2 con đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H khẳng định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4 -Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0020224 ngày 05/ 11/2024 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

5- Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Kiều Văn Thành